令和 4 40023

ビル街地区 / 高度商業地区 / 繁華街地区 / 普通商業・併用住宅地区 / 中小工場地区 / 大工場地区 / 普通住宅地区

道路を中心として全地域 / 全地域 / 南側道路沿い / 全地域 / 北側道路沿い 南側全地域 / 南側全地域 / 無印は全地域

北側全地域 / 道路沿い / 南側全地域 / 北側全地域 南側道路沿い / 北側道路沿い / 北側全地域

記号	借地権割合
A	90%
B	80%
C	70%
D	60%

記号	借地権割合
E	50%
F	40%
G	30%

北 西 東 南

40015 / 40022 当図 / 40030

渋谷区（渋谷署）

令和 4 40023

千駄ヶ谷４丁目 / 千駄ヶ谷１丁目 / 千駄ヶ谷３丁目 / 千駄ヶ谷２丁目 / 神宮前１丁目 / 神宮前２丁目 / 霞ヶ丘町 / 新宿区 / 渋谷区

四谷署管内

明治通り / 外苑西通り / 国立霞ヶ丘競技場 / 観音坂 / 榎坂 / 千駄ヶ谷トンネル / 仙寿院 / 千駄ヶ谷小西 / 千駄ヶ谷小 / 区立千駄ヶ谷小学校

930C 890C 1,590C 1,240C 800C 1,270C 1,050C 1,330C 790C 1,200C 800C 780C 950C 790C 730C 780C 780C 870C 860C 950C 1,020C 1,010C 1,330C 2,110C 1,240C 950C 1,000C 750C 810C 1,130C 880C 1,310C 1,330C 1,190C 1,070C 1,240C 970C 1,310C 2,670C 880C 950C 950C 950C 1,030C 1,250C 950C 800C 1,150C 880C 950C 780C 970C 900C 760C 2,120C 1,040C 950C 950C 900C 1,120C 930C 1,030C 2,680C 870C 840C 790C 980C 910C 720C 1,030C 1,150C 1,410C 1,150C 1,130C 800C 850C 1,000C 1,800C 1,150C 1,120C 1,830C 980C 1,560C 1,010C 1,990C 1,040C 1,160C 960C 950C 1,150C 1,170C 1,230C 1,160C 960C 1,760C 1,520C 2,280C 2,300C 1,260C 1,160C 1,060C 990C 890C 1,260C